TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 12/2019/HNGĐ - ST
Ngày 02 - 8 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do -Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN. TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuần

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai; Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST -HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Minh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

2. Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 01 năm 2019 và những lời khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn là chị Bùi Thị Minh T trình bày:

Chị và anh T trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Trưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 10 năm 2013. Sau khi kết hôn anh chị sống tại Khu phố 1, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu hai vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc.

Đến năm 2018, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị nghi ngờ anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, anh T cũng hay cờ bạc, rượu chè, bỏ bê vợ con. Hai người có trao đổi trò chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Sau đó vào tháng 7 năm 2018 anh chị chính thức ly thân. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2014. Ly hôn chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Xuân T trình bày: Anh T thừa nhận thời gian đăng ký kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị T trình bày ở trên là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng anh xảy ra từ năm 2018, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không hợp nhau và hay cãi nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được, chị T ly hôn, anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2014. Ly hôn anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày đầy đủ, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tống đạt thông báo thụ lý, ra quyết định xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành theo các giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Minh T và cho chị Bùi Thị Minh T được ly hôn với anh Trần Xuân T.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Bùi Thị Minh T nuôi cháu Trần Thanh T, anh Trần Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị Minh T chịu cả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, do các đương sự đều đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú tại Khu phố 1, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 21 tháng 6 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đã mở phiên tòa theo quy định, anh T vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Ngày 02 tháng 8 năm 2019 Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa, anh T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị Minh T và anh Trần Xuân T là hợp pháp, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp trong cuộc sống, bất đồng trong mọi quan điểm, chị T nghi ngờ anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Anh T cũng thường xuyên rượu chè, bỏ nhà đi không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, quá trình làm việc tại Tòa án, cả chị Bùi Thị Minh T và anh Trần Xuân T đều xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được. Vì vậy cần cho chị Bùi Thị Minh T được ly hôn với anh Trần Xuân T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thanh T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2014, hiện nay cháu T đang ở với chị T. Ly hôn cả chị Bùi Thị Minh T và anh Trần Xuân T đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng xin nuôi con của các đương sự là chính đáng. Tuy nhiên do cháu Trần Thanh T còn nhỏ nên cần đến sự yêu thương, chăm sóc trực tiếp của người mẹ, mặt khác chị T có chỗ ở (ở nhà bố mẹ đẻ chị T theo Đơn xin xác nhận chị đã nộp cho Toà án) và thu nhập ổn định từ lương 8.065.850 đồng/tháng. Xét nguyện vọng nuôi con của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy anh T có nguyện vọng nuôi con nhưng không xuất trình chứng cứ chứng minh về thu nhập và điều kiện ăn ở cho con chung, mặt khác cháu T còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Nên cần giao cho chị Bùi Thị Minh T được trực tiếp nuôi cháu Trần Thanh T, anh Trần Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Minh T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Minh T ly hôn anh Trần Xuân T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2014 cho chị Bùi Thị Minh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Trần Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0003277 ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; chị Bùi Thị Minh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Ủy ban nhân dân xã Thượng Trưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS + VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thủy